

Bản án số: **29/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 26/6/2019

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Tuyết

2. Bà Nguyễn Thị Băng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2019/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 37/2019/TB - XX ngày 12 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1964.

Trú tại: Thôn T1 (nay là thôn T), xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị V, sinh năm 1966.

Trú tại: Thôn T1 (nay là thôn T), xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Ông D và bà Bùi Thị V đăng ký kết hôn với nhau ngày 06/9/1986 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Mâu thuẫn đã được vợ chồng và hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Nay ông D xác định tình cảm vợ chồng đã hết, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thị V.

* Về con chung: Ông D và bà V có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/11/1986 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/5/1989. Hai con của ông đã đủ 18 tuổi, đã có gia đình riêng, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về chia tài sản, nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị V vắng mặt. Nhưng trong bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 26/4/2019, bà V trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như ông D trình bày là cơ bản đúng, tuy nhiên còn nguyên nhân khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, là do ông D ngoại tình. Nhưng bà xác định vẫn còn tình cảm với ông D, nên bà không đồng ý ly hôn, đề nghị Toà án hòa giải để bà và ông D được về đoàn tụ.

* Về con chung: Bà V xác nhận có 02 con chung như ông D đã trình bày nêu trên là đúng. Do các con của bà đã trưởng thành, có gia đình riêng, nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về chia tài sản, nợ chung: Bà V không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Tiến D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị V, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Bà Bùi Thị V có hộ khẩu thường trú tại thôn T1 (nay là thôn T), xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị V vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tiến D và bà Bùi Thị V được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/9/1986 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu, được các bên thừa nhận, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Theo ông D trình bày, bà V tự ý quyết định các công việc, trong cuộc sống gia đình mà không hỏi ý kiến của ông. Còn bà V có kiến cho rằng ông D ngoại tình, nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng và gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự đến để hòa giải. Bà V xác định vẫn còn tình cảm với ông D nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ. Thẩm phán đã phân tích các bên đương sự, nhưng ông D không nhất trí mà kiên quyết yêu cầu được ly hôn, nên Tòa án không hòa giải được. Xét mâu thuẫn vợ chồng của ông D, bà V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của ông D là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông D, bà V 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/11/1986 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/5/1989, hiện nay hai con của ông đã thành niên và có gia đình riêng. Ông D, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Tiến D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Tiến D được ly hôn với bà Bùi Thị V

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tiến D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002232 ngày 04/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận ông D đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, ông Nguyễn Tiến D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Bùi Thị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND xã T, Tp Y, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy